TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST
Ngày: 15-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hạnh.

Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/HSST-QĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1977 tại Bắc Giang. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh N và bà Nguyễn Thị T1, vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, có 02 người con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Không, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam lại từ ngày 21/9/2020 đến ngày 29/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh, có mặt.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995 tại Bắc Giang. Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị K; tiền án: Không; tiền sự: Không, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2020 cho đến nay, có mặt.

3. Hà Văn T2, sinh năm 1987 tại Bắc Giang. Hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K và bà Nguyễn Thị N, vợ tên Nguyễn Thu D, có 02 người con sinh năm 2010 và năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2020 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T2:

1. Ông Lê Huy Q, sinh năm 1977 - Luật sư Công ty Luật hợp danh The Light thuộc Đoàn Luật sư T4 phố Hà Nội; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Ông Hà Trọng Đ, sinh năm 1979 - Luật sư Công ty Luật hợp danh The Light thuộc Đoàn Luật sư T4 phố Hà Nội; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông Hà Văn T3, sinh năm 1994 - Luật sư Công ty Luật hợp danh The Light thuộc Đoàn Luật sư T4 phố Hà Nội; có mặt.

Bị hại:

1. Ông Trần Quốc Đ1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Đặng Vũ Huy H2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Hoàng Trung T4 (Tí), sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Trung C (C), sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Trần Minh P (D), sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Ông Đặng Quang D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 11, Pi Năng Tắc, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Võ Văn C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 27/36/29, Bùi Tư Toàn, Khu phố 5, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

7. Ông Dương Quang C1, sinh năm 1985. Địa chỉ: TC 101, Hải Bình, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

10. Lê Quang T5, sinh ngày 10/4/2005. Người đại diện hợp pháp của Lê Quang T5: Bà Nguyễn Thị H (Là mẹ ruột). Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thu D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 12, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

12. Trần Cao Minh Đ2, sinh ngày 11/10/2006.

13. Trần Cao T6(Mồi), sinh ngày 15/10/2002.

Người Đ diện hợp pháp của Trần Cao T6 và Trần Cao Minh Đ2: Ông Trần Cao T7 và bà Lê Thị T8 (Là cha mẹ ruột). Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H1, Hà Văn T2 và Lê Văn H (Lê Văn D) là lái xe chạy xe ôtô tải chở hàng cho bị cáo Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H. Trần Trung C, Trần Quốc Đ1, Đặng Vũ Huy H2, Trần Cao Minh Đ2, Hoàng Trung T4 và Trần Minh P là bạn bè quen biết ngoài xã hội với nhau.

Khoảng 19 giờ 00 Phút, ngày 06/8/2019, Trần Trung C điều khiển xe đạp điện chở Trần Cao Minh Đ2 đi từ ấp Cây Dâu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về nhà tại xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khi đến đoạn đường ĐT 746 thuộc ấp Cây Dâu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì gặp Nguyễn Văn H1 đang hướng dẫn xe ôtô tải biển số 47C-209.77 quay đầu thì xảy ra mâu thuẫn với Hợi. Nguyễn Văn H1 đòi đánh C nên C chở Đ2 về nhà tại xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và gọi cho ông Đặng Vũ Huy H2, ông Trần Quốc Đ1, ông Hoàng Trung T4, ông Trần Minh P đến tìm H1 để giải quyết mâu thuẫn. C, H2, Đ1, T4 và P gặp H1, C đứng ra nói chuyện thì bị H1 dùng nón cối đánh vào đầu. H2, Đ1, T4, P chạy đến chỗ C và H1 thì H1 bỏ chạy vào vườn cam gần đó trốn. Bà Nguyễn Thị H đi đến nhìn thấy H1 bị nhóm C đuổi đánh nên la lên "cái gì đấy", H1 trả lời "mấy thằng này nó chặn xe nó đánh cháu" nên bà H truy hô "cướp … cướp" thì P, C cự cãi với bà H. Bà H gọi điện cho Lê Văn T kể lại sự việc. H1 bỏ chạy nên C, H2, T4, Đ1 và P chạy về quán Như Ý thuộc ấp Cây Dâu, xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để ăn uống.

Sau khi bỏ chạy thoát, H1 gọi điện thoại báo lại sự việc bị nhóm C chặn đánh, đòi đốt xe cho T nghe. Sau khi nghe sự việc H1 bị đánh, T điều khiển xe ôtô biển số 51C-830.52 chở theo Hà Văn T2, Lê Văn H (Lê Văn D) và người tên D (D Hà Nội) đến chỗ xe ôtô tải biển số 47C-209.77 tìm thì gặp H1 đang đứng chờ trên đường. H1 nói nhóm đánh H1 đang ở quán ăn Như Ý. T kêu H1 lên xe để đến quán Như Ý, Lê Văn D nhặt 01 đoạn cây tầm vông ở đường, Hà Văn T2 lấy 01 cây tuýt sắt dài khoảng 50cm từ xe ôtô tải biển số 47C-209.77 rồi lên xe do T điều khiển chở đến quán ăn Như Ý. Lê Q T5 là con trai của T cùng lên thùng xe ngồi với T2 và H1. Khi đến nơi, T để xe ôtô ở lề đường trước cổng quán, H1 nhìn thấy nhóm C đang ngồi trong quán liền hô to "bắt lấy chúng nó". T2 cầm tuýp sắt, D cầm cây tầm vông rồi cả nhóm cùng chạy vào quán. C, H2, T4, Đ1, P, D, Cao Minh T6, P, T9 (Chưa rõ lai lịch) đang ngồi trong quán ăn thì nghe tiếng dừng xe của nhóm T bên ngoài đường, nghe tiếng hô hào của nhóm T thì T4, P khom người xuống nhìn ra thấy nhóm T chạy vào trên tay có hung khí nên nhóm C bỏ chạy. C, P, T9, T6, P chạy thoát. Đ1, T4, H2 chạy ra phía sau quán ngay cạnh hàng rào kẻm gai đứng lại thì bị nhóm T đuổi theo phát hiện. Nguyễn Văn H1 nhặt được 01 con dao bằng inox ở bên hông quán rồi cùng chạy theo ra sau quán. Nhóm T lớn tiếng kêu Đ1, T4, H2 bước ra chỗ nhóm T đứng. Đ1, T4, H2 nhìn thấy H1, T, T2, D cầm hung khí nên bước ra chỗ nhóm T. T dùng tay đánh 02 cái vào mặt Đ1, T2 dùng tay nắm phía sau cổ áo và đánh H2, T dùng tay đánh, nắm cổ áo giữ T4. T kêu Lê Văn H (Lê Văn D), T2, H1 đưa T4, H2, Đ1 lên thùng xe ôtô tải để T chở về bãi xe. Lê Văn H (Lê Văn D), T2, H1 cùng với T dùng hung khí đe doạ, khống chế đưa Đ, H, T lên thùng xe tải 51C-830.52, T định bỏ chạy thì bị H1 dùng dao khống chế. Lê Quang T5 không tham gia bắt giữ Đ1, T4, H2 mà chỉ đứng xem rồi lên thùng xe ô tô tải để về cùng. Sau khi lên thùng xe, T2 và H1 ngồi ở phía sau thùng xe giữ

Đ1, T4, H2 còn T điều khiển xe cùng với Lê Văn H (Lê Văn D) ngồi trước ca bin chạy về chỗ bãi đậu xe của T ở đầu đường Hiếu Liêm 16 thuộc ấp Chánh Hưng, xã Hiếu Liêm, Bắc Tân Uyên. T sử dụng điện thoại gọi báo trực ban Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương việc "đã bắt giữ nhóm người chặn đánh đòi đốt xe của T, chở về bãi xe". Trên thùng xe H1, T2 tiếp tục dùng chân đá vào người của Đ, T, H. Khi về đến bãi xe T đậu xe trong bãi và mở Ca hông thùng xe yêu cầu Đ1, T4, H2 bước xuống xe và đi vào nhà mát bên hông nhà của T ngồi. T tiếp tục dùng tay đánh vào đầu, bóp vào cổ Đ1. Nhận được tin báo, Công an xã Hiếu Liêm đến đưa những người liên quan về trụ sở để làm việc, xác lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương điều tra theo thẩm quyền.

Đối với Lê Văn H(Lê Văn D) đã bỏ trốn và thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Thương tích của ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2, ông Hoàng Trung T4 chỉ bị trầy xước ngoài da, chấn thương phần mềm và không yêu cầu giám định. Ông Đ1, ông T4, ông H2 không đến cơ sở y tế khám để được cấp giấy chứng nhận thương tích nên Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương từ chối giám định thương tích.

Tại Bản Cáo trạng số 52/CT-VKS-BTU ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương quyết định truy tố các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2, Nguyễn Văn H1 về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội Đ1 xét xử:

Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách thách là 05 năm.

Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hà Văn T2 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Hà Văn T2 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4 số tiền 20.000.000 Đ1.

Bị cáo Lê Văn T đã bồi thường cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4 số tiền 60.000.000 Đ1.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H1 tự nguyện bồi thường T cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4, mỗi người số tiền 10.000.000 Đ1, đề nghị Hội Đ1 xét xử ghi nhận.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Xe ô tô 51C-830.52 là tài sản chung của bị cáo Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H đã bán cho người khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương không tiến hành thu giữ được. Xe ôtô 51C-830.52 trị giá 120.000.000 Đ1. Chiếc xe là phương tiện bị cáo Lê Văn T sử dụng phạm tội nhưng bà H không biết, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T nộp lại ½ trị giá chiếc xe tương đương số tiền 60.000.000 Đ1 để sung quỹ Nhà nước.

Đối với hung khí Hà Văn T2, Lê Văn Hoàng, Nguyễn Văn H1 sử dụng phạm tội đã bị thất lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tìm nhưng không thu hồi được.

01 điện thoại Sam Sung của bị cáo Lê Văn T không sử dụng phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T2 trình bày tranh luận:

Thống nhất về tội danh truy tố đối với bị cáo Hà Văn T2. Bị cáo T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố, không tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội Đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T6liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T2 gồm: Ông Lê huy Q, ông Hà Trọng Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Ông Trần Trung C, ông Trần Minh P, bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Quang D, ông Võ Văn C, ông Nguyễn Hoàng L, ông Dương Q C1, ông Nguyễn Hùng S, Lê Q T5, Trần Cao Minh Đ2, Trần Cao T6 vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 291 và Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định: Ngày 06/8/2019, tại xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2, Nguyễn Văn H1 đã có hành vi bắt, giữ người trái pháp luật đối với ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2, ông Hoàng Trung T4, Do đó, Cáo trạng số 52/CT-VKS-BTU ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2 và Nguyễn Văn H1 về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ

năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực khống chế, bắt giữ bị hại là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi bắt giữ người của các bị cáo khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Do đó, Hội Đ1 xét xử cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự như sau:

[6] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo là những người thực hành. Bị cáo Lê Văn T là người thực hành tích cực nhất nên hình phạt sẽ cao hơn so với bị cáo Hà Văn T2 và bị cáo Nguyễn Văn H1.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Lê Văn T và bị cáo Hà Văn T2 đã bồi thường cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Ngoài ra, các bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H1 có ông ngoại tên Nguyễn Trung T4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bà ngoại tên Dương Thị Hùy được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất.

Bị cáo Hà Văn T2 có ông nội tên Hà Văn T4 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; ông nội tên Nguyễn Văn Cần được tặng thưởng: Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Ba, Danh H2 Chiến sỹ thi đua, Chiến sỹ giỏi, Bằng khen vì hoàn T4 xuất S nhiệm vụ năm 1978.

Tại phiên tòa, ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2, ông Hoàng Trung T4 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2. Ông Đặng Vũ Huy H2, ông Hoàng Trung T4 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn H1.

[9] Xét các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và quá trình bị tạm giam các bị cáo đã nhận ra được hành vi sai trái. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Hà Văn T2 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4 số tiền 20.000.000 Đ1.

Bị cáo Lê Văn T đã bồi thường cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4 số tiền 60.000.000 Đ1.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H1 Đ1 ý bồi thường T cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4, mỗi người số tiền 10.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Xe ôtô 51C-830.52 là Tài sản chung của bị cáo Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H đã bán cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương không thu giữ được. Chiếc xe là phương tiện bị cáo Lê Văn T sử dụng phạm tội nhưng bà H không biết và được định giá là 120.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo T nộp lại ½ trị giá chiếc xe tương đương số tiền 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với hung khí Hà Văn T2, Lê Văn Hoàng, Nguyễn Văn H1 sử dụng phạm tội đã bị thất lạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh thu giữ của bị cáo Lê Văn T không sử dụng phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T.

[12] Đối với Lê Văn H (Lê Văn D) đã bỏ trốn đi khỏi địa phương và thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2 và Nguyễn Văn H1 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường cho các bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2 và Nguyễn Văn H1 phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

1.1. Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội Đ1 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15/10/2020).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội Đ1 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn T2 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15/10/2020).

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội Đ1 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15/10/2020).

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đ1 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn H1 bồi thường cho ông Trần Quốc Đ1, ông Đặng Vũ Huy H2 và ông Hoàng Trung T4, mỗi người số tiền 10.000.000 Đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động H2 Sam Sung màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Lê Văn T, Hà Văn T2 và Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H2 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã An Hà và UBND xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tư Mại, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo T2;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thế Chính